

# LUẬN CÂU XÁ TỤNG GIỚI BỐN

## QUYỂN 15

### 1. Nói về đăc ba luật nghi khác nhau:

Dưới đây là thứ năm của toàn văn nói về đăc ba luật nghi khác nhau.

- 1) Nói về đăc xứ thời đồng khác.
- 2) Nói về chi nhân của hữu tình.
- 3) Nói về đăc ác xứ trung.

Về đăc xứ thời đồng khác:

Luận chép: Biệt giải thoát này, là tĩnh lự vô lậu, ba thứ luật nghi tùy theo được bất cứ một, luật nghi nào đều có được hai thứ còn lại hay không? Nếu không như vậy thì tại sao?

Tụng chép:

*Từ tất cả hai hiện  
Đăc luật nghi cõi Dục  
Từ căn bản hằng thời  
Đăc tĩnh lự vô lậu.*

Giải thích: Hai câu trên nói về đăc giới biệt giải thoát, hai câu dưới nói về đăc giới đĩnh đạo.

Từ tất cả hai hiện, Đăc luật nghi cõi Dục:

1. Từ tất cả đăc luật nghi cõi Dục.
2. Từ hai đăc luật nghi cõi Dục.
3. Từ thiện đăc luật nghi cõi Dục.

Từ tất cả: Là nghiệp đạo căn bản, sau khi gia hạnh khởi thì phát tội xứ này gọi là tất cả, nghĩa là biệt giải thoát lìa tội căn bản và sau gia hạnh khởi tội, ở tất cả chỗ phát ác, đăc giới biệt giải thoát.

Từ hai đăc: hai là hai thứ:

1. Loại hữu tình: gồm tánh tội và già tội.  
Tánh là sát sinh, già là ngủ chung với người nữ.
2. Loại vô tình, gồm tánh tội già tội. Tánh là trộm cắp vật của người, già là đào đất v.v... nay thọ thiện giới có thể lìa tánh tội và già tội cho nên từ hai thứ mà phát tội xứ, đăc giới biệt giải thoát.

Từ hiện đắc: Luận chép: Từ uẩn, xứ, giới ở hiện đời mà đắc, không phải từ quá khứ và vị lai. Nghĩa là luật nghi này hữu tình xứ chuyển. Vì quá khứ vị lai chẳng phải hữu tình xứ.

Giải thích: hữu tình xứ chia làm hai:

1. Hữu tình; 2. Hữu tình xứ.

Xứ có hai thứ: 1. Xứ sở y; 2. Xứ sở chỉ, cho nên lìa tà dâm thủ hộ hữu tình phát giới hoặc lìa sát sinh, ở chỗ sở y của hữu tình mà phát giới. Nếu không đào đất ở ngay chỗ sở chỉ của hữu tình phát giới.

*Từ căn bản hằng thời*

*Đắc tĩnh lự vô lậu.*

1. Từ căn bản đắc giới tĩnh lự vô lậu.

2. Từ hằng thời đắc giới tĩnh lự vô lậu.

Từ căn bản: Là từ nghiệp đạo căn bản xứ đắc luật nghi định đạo, hai luật nghi này ở trong định chỉ có căn bản, vì trước định sau định không có giới này, cho nên không có giai đoạn gia hạnh hậu khởi. Vì giới định đạo chỉ có căn bản, cho nên khi đắc giới đối với căn bản khởi xứ ác, đắc giới biệt giải thoát, vì gia hạnh hậu khởi đều có. Cho nên ở ba xứ đều phát được giới.

Luận chép: nếu đắc luật nghi tĩnh lự vô lậu, nên biết chỉ từ đạo nghiệp căn bản, còn không từ gia hạnh hậu khởi kia hướng chi là già tội. (Như trên là văn luận).

Từ hằng thời đắc: Hằng là ba đời: là từ ba đời phát giới định đạo, do giới định đạo cùng chuyển với tâm, là giới và tâm có thể duyên với ba đời, cho nên tâm và giới cũng ngăn dứt ba đời. Từ sự khác nhau trên đáng lẽ có bốn trường hợp. Luận chép.

1. Từ gia hạnh hậu khởi của đời hiện tại và các già tội (vì đời hiện tại đắc được giải thoát, vì gia hạnh v.v... không đắc giới định đạo).

2. Từ đạo nghiệp căn bản thời quá khứ vị lai: (Từ căn bản đắc giới định đạo, do quá khứ vị lai không đắc giới biệt giải thoát).

3. Từ đạo nghiệp căn bản đời hiện tại:

(Vì đời hiện tại, đắc giới biệt giải thoát, vì là căn bản nên đắc giới định đạo).

4. Từ gia hạnh hậu khởi đời quá khứ đời vị lai: (vì quá khứ vị lai, không có giới biệt giải thoát, vì gia hạnh v.v... không có giới định đạo).

Lại Luận chép: không phải ngay lúc đắc thiện luật nghi, chắc chắn có nghiệp đạo ác đời hiện tại, bởi vậy nên nói: tử hiện xứ đắc, lý ra thật nên nói ngăn dứt vị lai, không nên nói ngăn dứt quá khứ hiện tại.

(Giải thích: văn này là Luận chủ chỉ nói thứ ba ở trước).

Câu thứ một: Ngay lúc đắc thiện giới, đâu có đời hiện tại, nghiệp đạo ác v.v... giống như câu thứ nhất. Già hạnh hậu khởi và già tội, chỉ nói đang nói, bởi vậy nên nói từ hiện xứ đắc. Ý này là câu thứ nhất, thứ ba, nên thêm chữ xứ. Nghĩa thì không trở ngại, là đời hiện tại tuy không có thể của nghiệp đạo mà có xứ như phát nghiệp v.v... cho nên xứ của nghiệp đạo không ngại nghĩa phát giới. Nếu nói về phát giới thì có chung ba đời, nói về phòng tội thì lẽ ra là vị lai, vì ngăn không khởi, quá khứ đã diệt, hiện tại đã sinh không thể ngăn dứt).

## 2. Nói về chi nhân của hữu tình:

Dưới đây là thứ hai, nói về chi nhân của hữu tình.

Luận chép: Đức Phật có đặc luật nghi hay không? Từ chi nhân của tất cả hữu tình có khác hay không, định này có khác, tướng khác thế nào?

Tụng chép:

*Luật từ các hữu tình  
Chi nhân nói bất định  
Bất luật từ tất cả  
Chi Hữu tình chẳng nhân.*

Giải thích: Luật từ các hữu tình: Từ tất cả hữu tình mà phát luật nghi, tất cả hữu tình trụ vào thiện ý lạc mới phát luật nghi, khác thì không như vậy, vì ác ý lạc không dứt hoàn toàn.

Chi nhân nói bất định:

Chi: là bảy chi.

Nhân: là tâm thọ giới.

Chi bất định: Có từ tất cả chi mà đắc đó là giới Tỳ-kheo đắc từ bốn chi, đó là giới cần sách.

Nhân bất định: là hạ, trung, thượng tâm không cùng khởi. Hoặc có khi trụ giới chẳng phải tất cả nhân, đó là tâm phẩm hạ, hoặc trung, hoặc thượng thọ giới cận trụ, cận sự, cần sách, hoặc có khi trụ giới do tất cả nhân, nghĩa là dùng tâm phẩm hạ thọ giới cận sự, sau đó trung tâm khởi phẩm, thọ giới cần sách, lại khởi tâm bậc trung thọ giới Tỳ-kheo, đủ ba tâm này gọi là tất cả nhân.

Luận chép: nếu người không thực hành tất cả năm thứ định hạn mới có thể thọ và đắc giới biệt giải thoát, đó là hữu tình chi xứ thời duyên định

Định của Hữu tình : Nghĩ rằng: Ta chỉ đối với hữu tình loài nào đó sẽ lia sát v.v...

Chi định: Nghĩ rằng ta đối với chi luật nghi nào đó giữ gìn không

phạm.

Xứ định: nghĩ rằng: Ta chỉ đối với địa phương nào đó sẽ lia sát sinh v.v...

Thời định: Nghĩ rằng ta con chỉ ở ngày tháng năm nào đó lia sát sinh v.v...

Duyên định: Nghĩ rằng con chỉ trừ duyên chiến đấu v.v... có thể lia sát sinh. Nếu thực hành năm thứ hạn định, mà thọ giới thì không đắc luật nghi. Chỉ đắc luật nghi tương tở diệu hạnh

Bất luật nghi từ tất cả chi hữu tình chẳng phải nhân: Là bất luật nghi từ tất cả hữu tình mà được. Vì tâm định giết các hữu tình.

Từ tất cả chi mà đắc: là bất luật nghi đủ tất cả chi, thân ba, miệng bốn, vì đều gây ra nghiệp ác.

Chẳng phải nhân: Là chẳng phải tất cả nhân. Tâm phẩm hạ v. v... thì không sạch khởi.

### 3. Hỏi đáp để làm sáng tỏ:

Hỏi: Như người bất luật nghi giết mổ v.v... trong một đời không cho không lấy, đối với thê thiếp của mình trụ vào tâm tri túc, tâm không thể nói, không nói bốn lỗi, vì sao đối với người kia đủ tất cả chi?

Đáp: Người kia làm tổn thiện ý lạc, tuy tâm không nói nhưng tay chỉ huy mà thân biểu lộ những điều muốn nói, cho nên có đủ chi.

Nếu không muốn trọn đời và không đủ chi, và không tổn hại hữu tình, chỉ được ác trong xứ không gọi là bất luật nghi. Theo Tông Kinh bộ tùy theo kỳ hạn, chi đủ hay không đủ, đối với hữu tình khắp hay không khắp, đều được bất luật nghi. Giới cận sự cũng vậy, tùy theo thọ nhiều ít đều đắc giới. Chỉ trừ tám giới, vì thời gian rất ngắn, cần phải đủ chi và khắp các hữu tình mới phát giới.

Bất luật nghi: Là những người giết dê, giết gà, giết heo, bắt chim, săn thú, trộm cắp, nấu nướng, coi ngục, cột rồng, thui chó, đặt bẫy, vua ác, điển hình, phạt người, thính sát, đoán tội v.v...

Buộc rồng: Nghĩa là dùng chú thuật để bắt rồng rắn, ưa thích tìm thú vật để nuôi sống bản thân.

Thui chó: người ác chiên-đà-la ở Tây Vực gọi là thui chó, hoặc có thể thui chó làm thức ăn.

Thính sát: Là ngự sử v.v...

Đoán tội: là đại lý v.v...

### 4. Nói về đắc ác xứ:

Dưới đây là thứ ba nói về đắc ác xứ.

Luận chép: Đã nói theo kia đắc luật nghi, đắc luật nghi và vô biểu

khác, phương tiện thế nào, chưa nói nay sẽ nói.

Vô biểu khác: gọi là xử trung.

Tụng chép:

*Người đăc bất luật nghi  
Do làm và thệ thọ  
Đăc các vô biểu khác  
Do ruộng thọ trọng hành.*

Giải thích: Hai câu trên là phương tiện đăc giới ác, hai câu dưới, phương tiện đăc xử trung.

Đăc bất luật nghi do hai thứ nhân:

1. Do làm; 2. Do thệ thọ.

Do làm: Người kia sinh vào nhà bất luật nghi, lúc đầu làm việc sát sinh, lúc khởi gia hạnh, bèn phát giới ác, đó là sống trong nhà làm nghề giết mổ, còn nhỏ đã thấy sát sinh khởi tâm thệ không phát giới ác, phải làm sát sinh thì đăc bất luật nghi.

- Do thệ: Sinh vào nhà khác vì nuôi sống thân mạng nên khởi tâm sát hại, bèn phát thệ: từ ngày nay cho đến khi chết con sẽ làm các việc như vậy để nuôi sống tự thân, lúc khởi tâm thệ bèn phát giới ác, nghĩa là sinh vào nhà khác, từ nhỏ chưa từng thấy sát sinh, phát tâm sẽ mạnh, cho nên phát giới ác.

Đăc vô biểu khác: Khác là xử trung vô biểu.

Do ruộng thọ trọng hành: là đăc nhân xử trung.

- Do ruộng: các ruộng phước như vậy cúng dường vườn rừng v. v... người kia bố thí vô biểu, lúc mới bố thí liền sinh vô biểu.

- Do thọ: Tự thệ rằng: nếu chưa lễ Phật thì không ăn trước. Ngày trai, thệ cúng dường thức ăn, chỉ khởi tâm thệ nguyện liền phát vô biểu.

- Do làm: Khởi tác y tha thiết như vậy, làm thiện làm ác đều phát vô biểu. Do ba nhân này mà đăc vô biểu khác.

### **5. Nói về sự khác nhau của xả:**

Dưới đây là thứ tư của toàn văn, nói về sự khác nhau của xả, trong đó có năm:

1. Xả biệt giải thoát.
2. Xả giới định đạo.
3. Xả bất luật nghi.
4. Xả xử trung.
5. Xả các phi sắc.

Về Xả biệt giải thoát:

Luận chép: Đã nói đắc luật nghi như thế v.v... xả luật nghi v.v... đều chưa nói, thế nào là xả giới biệt giải thoát:

Tụng chép:

*Xả biệt giải điều phục  
Do cố xả qua đời  
Và hai hình đều sinh  
Dứt gốc lành đem hết  
Có nói do phạm trọng  
Còn nói do pháp diệt  
Ca-Thấp Di-la nói  
Phạm hai như thiếu nợ.*

Giải thích: Bốn câu trước nói về Tông Hữu Bộ.

Câu thứ năm sau nói về Kinh Bộ, câu thứ sáu nói về Pháp Mật tông.

Hai câu sau là Hữu tông giải thích câu hỏi.

Nói điều phục: Ý nói về luật nghi. Vì ý này có thể làm cho căn điều phục. Trừ giới cận sự, luật nghi còn lại do bốn duyên xả.

1. Do cố xả: phải đủ ba duyên.

a. Do ý là tâm nhằm chán giới.

b. Đối trước người hiểu biết làm cho họ hiểu.

c. Phát hữu biểu nghiệp, đó là nói xả trái với thọ biểu. Thiếu một trong ba duyên thì không thành xả giới, chẳng phải chỉ khởi tâm, nghĩa là ở trong mộng thì không thành xả, không chỉ khởi biểu vì tâm si cuồng thì không thành xả. Chẳng phải chỉ hai điều này, đối với bàng sinh cũng không thành xả. Cho nên phải đủ ba điều này mới thành cố ý xả.

2. Do qua đời: giới nương vào thân mà đắc, lúc xả sở y thì giới xả theo.

3. Do hai hình đều sinh: căn nam, căn nữ sinh, do sở y thay đổi nên tâm thay đổi theo. Lại người hai hình không phải sở y của giới.

4. Do dứt gốc lành: giới nương vào tâm mà phát, tâm thiện đã dứt, giới cũng xả theo.

5. Do đem hết: Vì kì hạn giới đã quá, xả giới cận trụ, do năm duyên trên, còn luật nghi khác chỉ do bốn duyên xả, là trừ đem hết, nói chung về biệt giải thoát xả do năm duyên.

Có chỗ nói do phạm trọng: Sư Kinh bộ nói trong bốn giới trọng nếu phạm bất cứ một giới nào cũng là xả giới Cần sách và giới Tỳ-kheo. Còn nói do pháp diệt, tông pháp mật bộ nói lúc chánh pháp diệt xả giới biệt giải thoát, vì khi pháp diệt thì tất cả học xứ, kết giới, yết

mà đều chấm dứt.

Phạm hai như thiếu nợ:

## 6. Các tông giải thích chứng minh:

Tông Tát-Bà-Đa giải thích phạm trọng không xả giới cho nên như vậy, chẳng phạm một bên, tất cả luật nghi phải xả hết. Như phạm tăng tàn cũng không xả giới, nhưng có hai tên gọi là trì giới, phạm giới. Như người có của mặc nợ người khác, bấy giờ gọi là người giàu và người mắc nợ. Phạm giới cũng vậy. Nếu phạm mà phát lộ sám hối dứt trừ gọi là đủ thì la không gọi là phạm giới, như người trả nợ gọi là người giàu. Nay lược trình bày hai tông.

Tông Kinh bộ sớ dĩ nói phạm trọng xả giới, Thế tôn nói nếu người phạm tội trọng không phải đệ tử dòng họ Thích, hại tánh sa-môn. Phá thể Tỳ-kheo, hoại diệt đọa lạc, gọi là Tha thắng (ba-la-đà-di, Hán dịch là tha thắng, pháp ác gọi là tha, người khác đến thắng mình.)

Thế Tôn đã nói: Chẳng phải đệ tử họ Thích là nói xả giới.

Hữu tông giải thích rằng: Trong kinh này nói không phải Tỳ-kheo: Nghĩa là không phải Tỳ-kheo thắng nghĩa, Tỳ-kheo thắng nghĩa là các bậc Thánh, do phạm tội trọng nên không thành quả Thánh.

Nói chẳng phải Tỳ-kheo, lại Kinh bộ dẫn luật nói bốn thứ Tỳ-kheo:

1. Tỳ-kheo Tương tự (người tục giả danh Tỳ-kheo).
2. Tỳ-kheo Tự xưng (phạm tội trọng tự xưng là Tỳ-kheo).
3. Tỳ-kheo Khất cái (người xuất gia xin ăn tự nuôi sống).
4. Tỳ-kheo Phá hoặc (là bậc Thánh).

Văn luật đã nói phạm giới trọng không phải Tỳ-kheo, gọi là tự xưng Tỳ-kheo, cho nên biết xả giới.

Lại Hữu tông dẫn kinh chứng minh không xả giới. Như Đức Thế tôn nói: Thuần đà! nên biết! Sa môn có bốn thứ không có loại thứ năm  
Nói bốn:

1. Sa môn Thắng đạo (là Phật, Độc giác tự nhiên giác ngộ).
2. Sa môn Thị đạo (Xá-lợi-Phất nói pháp dạy đạo).
3. Sa môn Mang đạo (A nan dùng giới định tuệ làm mạng).
4. Ô đạo Sa môn (Tỳ-kheo phạm tội trọng luật gọi là ma-ha-la, nghĩa là vị Tỳ-kheo già thích trộm vật của người).

Kinh này nói phạm tội trọng gọi là ô đạo, vẫn gọi là sa môn, biết rõ có giới. Kinh bộ giải thích: Tương tự Sa môn gọi là Sa môn, chẳng có giới thể gọi là Sa môn. Rõ ràng ý Luận chủ cho Kinh Bộ là chánh, cho nên Luận chủ gạn hỏi hữu tông rằng, nếu người như thế vẫn có

tánh Tỳ-kheo nên tự quy y kính lễ, loại Tỳ-kheo này là pháp mật tông ở trước. Luận chủ bác bỏ rằng: Khi chánh pháp diệt tuy không có tất cả kiết giới, Yết ma và Tỳ nại da, chưa đắc luật nghi, không có lý mới đắc, mà người trước đắc. Cũng không phải nghĩa xả.

### 7. Nói về xả giới định đạo:

Dưới đây là thứ hai, nói về Xả giới định đạo: Luận chép: Tĩnh lự vô lậu, hai luật nghi v.v... nên xả thế nào?

Tụng chép:

*Xả định sanh pháp thiện*

*Do dị địa thối thủy*

*Xả Thánh do đắc quả*

*Luyện căn và lui sụt.*

Giải thích: Xả định sanh pháp thiện: là nêu.

Do dị địa thối thủy: là nói hai duyên xả:

1. Dị địa xả: Lúc từ địa dưới sinh lên địa trên, thì xả pháp địa dưới. Hoặc địa trên mất, sinh xuống địa dưới, thì xả pháp địa trên.

2. Do đắc thối: Khi được định cao siêu, trở lại lui sụt.

Tụng chép Đăng: là lấy bỏ chúng đồng phần, cũng xả một phần gốc lành thù thắng.

Chút phần gốc lành thù thắng: là Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất gọi là thiện thù thắng. Nếu dị sinh xả là khi qua đời xả, hoặc sinh ngay địa đó hoặc sinh địa trên đều xả Noãn v.v... đã xả đương địa cho nên không có dị địa, về dị địa xả chỉ có trên dưới, là nói xả định giới. Do ba duyên trên như định cõi Sắc, do dị địa thối xả, xả định Vô Sắc cũng như thế, nhưng không có luật nghi, khác với cõi Sắc.

Xả Thánh do đắc quả, luyện căn và lui sụt:

Nói về ba duyên xả Thánh:

a. Do đắc quả: Nếu đắc quả sau xả quả đạo trước và hưởng về đạo.

b. Do luyện căn: khi chuyển căn xả đạo độn căn.

c. Do lui sụt: Vì lui sụt quả đạo thắng quả đạo, hưởng đạo gọi là thắng quả đạo, vì hưởng đến quả tốt đẹp. Văn này nói chung về xả pháp vô lậu, vì giới tùy theo pháp, cho nên xả giới vô lậu cũng đồng ba duyên trên.

3. Xả luật nghi: Luận chép: Như vậy đã nói xả các luật nghi bất luật nghi rồi, xả như thế nào?

Tụng chép:

*Xả giới ác do chết*



*Đặc giới hai hình sinh.*

Giải thích: Xả bất luật nghi có ba duyên:

1. Do chết xả sở y.
2. Do đặc giới là đặc giới biệt giải thoát, hoặc đặc tính lự luật nghi, giới ác liên xả.
3. Do hai hình sinh: vì sở y biến đổi. Luận chép: người trụ giới ác tuy, hoặc có lúc khởi bất tác tứ, xả bỏ đao kiếm v.v... Nếu không thọ mà đặc các luật nghi thiện, các bất luật nghi. Không chấp nhân xả bỏ, thí như tuy tránh nhân duyên phát bệnh mà không uống thuốc thì bệnh khó lành.

**8. Nói về xả xử trung vô biểu:**

Dưới đây là thứ tư, nói về xả trung xứ vô biểu: Luận chép: Xứ trung vô biểu xả, thì thế nào. Tụng chép:

*Xả trung do thọ thế*

*Làm việc thọ mang, căn dứt.*

Giải thích: Xứ trung vô biểu: xả do sáu duyên. Câu trên có chữ Do, câu dưới có chữ Đoạn, sáu độ nói điều đó

- a. Do thọ đoạn: là xả sở thọ, nghĩ như vậy: con từ nay bỏ điều đã thọ trước đây.
- b. Do thế đoạn: Do thế lực phiền não tịnh tín dẫn đến vô biểu hai thứ kia hạn chế thế lực, như khi đoạn hoại, vô biểu liên xả.
- c. Do tác nghiệp đoạn: điều đã thọ sau lại không làm, như trước đây lễ Phật, sau nay không lễ Phật nữa.
- d. Do sự vật đoạn hoại: xả là cúng dường nhà, cửa cho chùa lập nhiều vườn rừng v.v... để cúng dường, những việc hoại như thả lưới v.v... thì vô biểu liên xả.
- đ. Do tuổi thọ dứt: Khi mạng chấm dứt. Vô biểu liên xả.
- e. Do căn dứt: Căn là gốc lành, nhân gốc lành mà phát xứ trung vô biểu, nay khởi gia hạnh, lúc đoạn gốc lành, bèn xả gốc lành, dẫn khởi vô biểu. chữ căn trong văn tụng lẽ ra phải chung với gốc bất thiện, nghĩa là khởi gia hạnh, đoạn gốc bất thiện, liên xả, gốc bất thiện dẫn khởi xử trung vô biểu. Văn luận chỉ nói đoạn gốc lành, rõ ràng là chấp gốc bất thiện.

(Gia hạnh: Vì xử trung yếu kém nhưng lúc gia hạnh là xả).

**9. Nói về xả thiện nhiễm phi sắc:**

Dưới đây là thứ năm, xả thiện nhiễm phi sắc:

Luận chép: Dục phi sắc thiện và tất cả pháp nhiễm phi sắc khác, xả như thế nào.

Tụng chép:

*Xả thiện phi sắc cõi Dục  
Do căn dứt sinh lên,  
Do đối trị đạo sinh  
Xả các nhiễm phi sắc.*

Giải thích: Xả dục phi sắc thiện: Ở đây có hai duyên: là tâm đẳng thiện gọi là phi sắc thiện.

a. Do căn dứt: là dứt gốc lành.

b. Do sinh lên: là sinh lên tầng trời.

Xả các nhiễm phi sắc: các là ba cõi, nhiễm phi sắc ba cõi tâm đồng với pháp. Do một duyên xả, do đối trị đạo sinh. Như phẩm loại này, đối trị đạo sinh nên xả tất cả phiền não và trợ giúp của phiền não trong đây.

(Trợ giúp: tương ứng câu hữu có thể được).

### **10. Nói y theo thành thiện ác:**

Dưới đây là thứ năm của toàn văn, y theo thành thiện ác: Luận chép: Thiện ác luật nghi, vì sao hữu tình có?

Tụng chép:

*Người giới ác trừ Bắc  
Hai huỳnh môn hai hình  
Luật nghi cũng ở trời  
Chỉ người đủ ba thứ  
Sinh trời dục cõi Sắc  
Có tinh lự luật nghi  
Vô lậu và Vô Sắc  
Trừ trong định vô tướng.*

Giải thích: Người giới ác trừ bắc, hai huỳnh môn hai hình: nói về xứ giới ác, trong cõi người chỉ ba châu có, trừ châu câu lô ở phía bắc, châu kia vì vô tâm vô quý cực nặng. Cho nên không có giới ác. Trong ba châu trừ huỳnh môn v.v... cũng không có giới ác: phiến đệ bán-trạch gọi là hai huỳnh môn (phiến đệ: nam căn hoàn toàn không có, bán trạch: tuy có nam căn nhưng không hoàn chỉnh).

Luật nghi cũng ở tầng trời.

Tầng trời cõi người có luật nghi: trong tầng trời trừ bắc châu-câu-lô ở phía Bắc, người nơi ấy vì không có thọ giới, không có giới biệt giải thoát và không có nhập định, không có định đạo giới. Người hai hình v.v... cũng không có thiện giới, trong một thân, khởi dục nam nữ đều mạnh mẽ. Lại không có chí tháo đối với chánh tư trạch, vì không kham

nổi, vì không có tâm tầm quý cực nặng, thân của phiến-đệ, như ruộng muối mặn không mọc cỏ xấu, mầm tươi, cho nên không có giới thiện, giới ác.

Chỉ có người đủ ba thứ:

Là có biệt giải thoát, tĩnh lự vô lậu: ba thứ luật nghi giới biệt giải thoát tầng trời không có.

Sinh các tầng trời cõi Dục, cõi Sắc, có luật nghi tĩnh lự:

Trong hai cõi này đều có thể nhập định, có giới tĩnh lự, đối với tầng trời vô tướng. Chỉ được thành tựu, cõi Vô Sắc thì không vì Vô Sắc.

Vô lậu cùng Vô Sắc: Nghĩa là giới vô lậu, cõi Dục và cõi Sắc đều có đồng thời ở cõi Sắc ở cõi Vô sắc tuy không hiện hành, mà được thành tựu. Bậc bậc Thánh sinh trong cõi Vô Sắc thành tựu luật nghi vô lậu quá khứ, vị lai của cõi Sắc, Phạm Vương trung định và trời Vô Tướng chỉ là chúng sinh, vì không có giới vô lậu, nên phải trừ ra, Mười sáu tầng trời còn lại vì có bậc Thánh nên đều có luật nghi vô lậu.

Dưới đây là thứ hai của toàn văn, giải thích các nghiệp trong kinh: trong đây có mười một:

- 1) Nói về nghiệp của ba tánh.
- 2) Nói về ba nghiệp như phước nghiệp v.v...
- 3) Nói về nghiệp của ba thọ.
- 4) Nói về nghiệp của ba thời.
- 5) Nói về thân tâm thọ.
- 6) Nói về uest trước cong vạy.
- 7) Nói về hắc hắc v.v...
- 8) Nói về ba mâu ni v.v...
- 9) Nói về hành vi ác v.v...
- 10) Nói về mười nghiệp đạo.
- 11) Nói về ba hành vi tà.

### **11. Nói về nghiệp của ba tánh:**

Dưới đây là thứ nhất, nói về nghiệp của ba tánh.

Luận chép: Lại trong kinh nói nghiệp có ba thứ gồm thiện ác và vô ký, tướng ấy thế nào?

Tụng chép: An bất an phi nghiệp.

Gọi thiện ác vô ký.

Giải thích: là nghiệp an ổn, gọi là thiện, được quả đáng yêu thích, vì cứu vớt các khổ. Nghiệp không an ổn gọi là bất thiện, chiêu cảm quả phi ái, tổn hại hữu tình.

Phi nghiệp: Chẳng phải hai nghiệp trước, gọi là vô ký, vì không thể do là thiện hay bất thiện.

## 12. Nói về ba nghiệp như phước v.v...

Dưới đây là thứ hai nói về ba nghiệp như phước v.v...

Luận chép: Lại trong kinh nói: Nghiệp có ba thứ: phước, phi phước, v. v... tướng của nó thế nào?

Tụng chép:

*Phước, phi phước bất động.  
Muốn thiện nghiệp gọi phước  
Bất thiện gọi phi phước  
Cõi trên thiện bất động  
Y theo nói tự địa  
Vì nghiệp quả bất động.*

Giải thích: Câu đầu là nêu, câu kế giải thích.

Phước phi phước bất động: là nêu.

Muốn thiện nghiệp gọi phước: nghĩa là chiêu cảm quả đáng yêu thích, vì có ích cho hữu tình.

Bất thiện gọi phi phước: nghĩa là chiêu cảm quả chẳng đáng ưa vì tổn hại hữu tình.

Cõi trên thiện bất động: Nghĩa là thiện của hai cõi trên gọi là nghiệp bất động.

Hỏi: Chẳng lẽ phải Thế tôn nói ba định cõi dưới gọi là hữu động ư?

Đáp: Sơ Thiên có động tâm và tứ, nhị thiên có động hỷ thọ, tam thiên có động lạc thọ, cho nên đặt tên là “động”.

Trong kinh bất động, y theo công năng chiêu cảm được dị thực bất động nên nói là bất động.

Hỏi: Tại sao có động, chắc chắn chiêu cảm dị thực vô động? Để trả lời câu hỏi này cho nên Tụng nói:

*Y theo tự địa xứ  
Vì nghiệp quả vô động.*

Tuy ba định dưới có động tai hoạn, nhưng nói theo xứ thì nghiệp quả bất động như nghiệp Sơ định chiêu cảm quả Sơ thiên. Xứ định của Sơ thiên không hoạt động làm cho thọ địa xứ. Xứ định của nghiệp quả đặt tên là bất động. Nhưng trong cõi Dục có nghiệp ở tầng trời v.v... do năng lực duyên khác trôi lăn con người ở trong đó, cho nên không phải bất động.

## 13. Nói về nghiệp của ba thọ:

Dưới đây là thứ ba nói về nghiệp của ba thọ:

Luận chép: Lại trong kinh chép: nghiệp có ba thứ như thuận lạc thọ v.v... tương ấy thế nào?

Tụng chép:

*Thuận lạc khổ chẳng hai  
Thiện đến ba thuận lạc  
Các bất thiện thuận khổ  
Thượng thiện thuận chẳng hai  
Còn nói hạ cũng có  
Do giữa vời dị thực  
Lại nhận ba nghiệp này  
Dị thực chẳng trước sau  
Thuận thọ đều có năm  
Là tương ứng tự tánh  
Và dị thực sở duyên  
Hiện ra có khác nhau.*

Giải thích: Bài tụng đầu nói về ba thọ, bài tụng kế là dẫn chứng, bài tụng sau nói về thuận thọ.

Thuận lạc khổ chẳng hai: Là nêu.

a. Thuận lạc thọ nghiệp.

b. Thuận khổ thọ nghiệp.

c. Thuận bất khổ bất lạc thọ nghiệp, tức là chẳng hai.

Thiện đến ba thuận lạc: là giải thích thuận lạc thọ, bắt đầu từ cõi Dục đến Tam thiên, tất cả nghiệp thiện gọi là thuận lạc thọ.

Các bất thiện thuận khổ: là giải thích thuận khổ lạc, nghiệp bất thiện ở cõi Dục gọi là thuận khổ thọ nghiệp.

Thượng thiện thuận chẳng hai: Là giải thích bất khổ bất lạc thọ. Trên đệ tam thiên, đệ Tứ thiên cho đến Hữu đảnh, tất cả nghiệp thiện gọi là thượng thiện, gọi là thuận bất khổ bất lạc thọ nghiệp.

Luận chép: chẳng phải các nghiệp này chỉ chiêu cảm quả thọ nên biết cũng chiêu cảm tư lương của thọ, thọ và tư lương trong đây gọi là thọ.

Chú thích: tương ứng này đều được gọi là Tư lương.

*Còn nói hạ cũng có*

*Do trung vời dị thực.*

#### **14. Thuyết của Sư khác:**

Có sư khác nói: Dưới đệ tam thiên cũng có thuận thứ ba chẳng phải hai nghiệp.

Trung: là thiên trung gian, do định nghiệp trung gian chiêu cảm dị thực trung gian. Nên biết địa dưới có bất khổ bất lạc thọ nghiệp, nghĩa là sinh ở trung gian chỉ có xả thọ. Cho nên nghiệp kia chiêu cảm quả chẳng hai (lạc thọ, khổ thọ bất khổ bất lạc thọ).

Lại chấp nhận ba nghiệp này dị thực chẳng trước chẳng sau.

Là dẫn chứng ý nói địa dưới có xả dị thực, đây là luận phát trí nói.

Luận ấy nói: Thật có ba nghiệp, thọ dị thực chẳng trước chẳng sau?

(Giải thích: Thọ đồng một lúc nên nói chẳng trước chẳng sau).

Luận ấy đáp rằng:

Có: Nghĩa là thuận lạc thọ nghiệp sắc, thuận khổ thọ nghiệp. Tâm vương và tâm sở thuận theo bất khổ bất lạc thọ nghiệp. Tâm bất tương ưng hành cho đến nói rộng.

(Giải thích: Thuận lạc sắc: ở trong trời người có năm căn như mắt v.v... sắc hương vị xúc. Thuận khổ tâm vương tâm sở, chiêu cảm khổ thọ và bất tương ưng của trời người, thuận bất khổ bất lạc thọ nghiệp).

Tâm bất tương ưng: ở trong trời người mạng căn, chúng đồng phần đắc bốn tướng, đây là tiết văn thứ nhất.

Trong phần nói rộng lại có một tiết văn, câu xá lược dẫn, chỉ nói cho đến nói rộng. Tiết văn thứ hai, thuận lạc thọ nghiệp tâm bất tương ưng hành có công năng chiêu cảm được mạng căn của trời người.

Thuận khổ thọ nghiệp sắc: là chiêu cảm sắc hương vị xúc, thuận bất lạc thọ nghiệp, tâm vương và tâm sở trong trời người. Nghiệp có công năng chiêu cảm bất khổ bất lạc thọ và dị thực tương ưng).

Nay dẫn văn ấy ý chọn lấy tiết văn thứ hai làm chứng để nói bất khổ bất lạc thọ, thọ nghiệp chiêu cảm dị thực bất khổ bất lạc lạc thọ. Biết rõ cõi Dục có xả dị thực. Luận này nói ba nghiệp thọ quả dị thực cùng thời.

Do đây biết được, địa dưới cũng có hai nghiệp thuận và phi. Chẳng phải là cõi Dục mà có ba nghiệp này, cùng lúc chín muồi, vì cõi trên không có khổ, ba nghiệp chỉ nói cõi Dục.

Hỏi: Chẳng lẽ phải nghiệp là thiện ác, thọ quả vô ký. Nghiệp này và lạc, thể tánh đã khác, vì sao nói là thuận lạc thọ?

Đáp: Nghiệp có thể là nhân, lợi ích cho lạc thọ cho nên y theo lợi ích gọi là Thuận thọ. Hoặc lại nghiệp này là sở thọ của lạc, nghĩa là lạc chính là nghiệp, quả là dị thực quả lãnh nạp từ nhân, đây là sở thọ thuận với nhân thọ. Hoặc lạc kia là sở thọ của nghiệp. Do năng thọ này

ưa thích dị thực, nhân thọ ở quả. Đây là năng thọ, thuận với sở thọ.

Thuận thọ gồm có năm: là nêu

Nói chung thuận thọ lược có năm thứ:

Là tương ứng tự tánh: trở xuống là giải thích riêng.

1. Tự tánh thuận thọ. Vì ba thọ làm thể, tự tánh là thọ, tự tánh không trái, gọi là Thuận thọ

2. Tương ứng thuận thọ: lấy xúc làm thể đó là xúc tương ứng với thọ, gọi là tương ứng thuận thọ. Như Khế kinh nói: Thuận lạc thọ xúc cho đến nói rộng.

3. Và dị thực sở duyên: Là sở duyên thuận thọ thứ ba sáu cảnh như sắc làm thể, là cảnh sở duyên, thuận với thọ năng duyên, gọi là thuận thọ sở duyên.

4. Dị thực thuận thọ: Là chiêu cảm dị thực, thuận với quả dị thực cho nên gọi là dị thực thuận thọ.

như khế kinh nói: Thuận thọ với thọ nghiệp hiện thọ cho đến nói rộng vì hiện ra khác nhau

5. Hiện ra thuận thọ: Hiện là hiện tại. Thọ là đang hiện hành, tức là thể của thọ hiện ra không trái. Gọi là hiện ra thuận thọ.

Khác nhau: Ở trên nói năm thọ là khác nhau. Trước đây nói thuận thọ lạc v.v... trong năm thứ này là dị thực thuận thọ thứ tư. vì nghiệp có thể chiêu cảm thọ dị thực. Tuy nghiệp và thể tánh của thọ có khác, mà được gọi là thuận lạc thọ.

### 15. Nói về nghiệp ba thời:

Dưới đây là thứ tư nói về nghiệp ba thời, gồm:

- a. Nói về bốn nghiệp.
- b. Nói về khác nhau.
- c. Nói về nghiệp trung hữu.
- d. Nói về định nghiệp.
- e. Nói về hiện pháp quả nghiệp.
- g. Nói về nghiệp tức là thọ quả.

Nói về bốn thứ nghiệp:

Luận chép: Ba nghiệp như thế có định và bất định, tương nó thế nào?

Tụng chép:

*Đây có định bất định*

*Định ba thuận hiện thấy*

*Hoặc nói nghiệp có năm*

*Sư khác nói bốn câu.*

Giải thích: Ở đây có định bất định: là nêu. Ba nghiệp này có định và bất định

Định ba thuận hiện thấy: là giải thích riêng.

Định có ba nghiệp:

a. Thuận hiện pháp thọ: là đời này gây ra nghiệp thì đời này thọ.

b. Thuận thứ sinh pháp thọ: Là đời này tạo, đời thứ hai thọ quả báo.

c. Thuận hậu pháp thọ: Đời này tạo, đời thứ ba sau mới thọ.

Theo Kinh bộ nói: Thuận hiện thọ nghiệp, năng lực rất mạnh, chắc chắn thọ quả báo ngay hiện tại.

Nếu thuận sinh thọ nghiệp năng lực ấy hơi yếu, chắc chắn đời sau thọ quả báo, không thọ ở hiện đời.

Thuận hậu thọ nghiệp năng lực ấy rất yếu, không thọ quả báo ở đời này, chỉ thọ ở đời sau.

Theo giai đoạn chín muồi lúc đầu gọi là thuận hiện ra, và bất định nghiệp hợp thành bốn thứ.

Bất định: vì không chắc chắn thọ báo, là không chắc chắn thọ dị thực, hoặc ở ba đời. Vì thời bất định nên đặt tên bất định, hoặc nói nghiệp có năm, hoặc lại có dục làm cho bất định thọ nghiệp. Lại có hai thứ. Đó là đối với dị thực, có định bất định, chia làm hai thứ:

1. Dị thực chắc chắn, thời bất định: Nghĩa là quả phải thọ, đối với ba đời thì bất định.

2. Dị thực và thời đều bất định: là quả và thời đều bất định thọ. Nhưng có quả định thời bất định nghiệp.

Không có thời chắc chắn quả bất định: chỉ đối với thời chắc chắn, đối với quả thì chắc chắn, vì thời lìa, dị thực không có tánh riêng.

Bốn nghiệp năm nghiệp khai hợp thành khác, lý thì không khác.

Sư khác nói bốn câu là Thí Dụ Sư khác, nói: Nghiệp chia làm tám thứ, cho nên chia làm bốn kia chấp nhận thời chắc chắn đối với quả bất định, trong bất định, thời lại chia làm ba.

Gồm năm nghiệp trước thành tám thứ.

Trường hợp một. Thời phần chắc chắn dị thực bất định: Đó là ba nghiệp thuận với hiện tại, thời của ba đời chắc chắn, quả bất định.

Hoặc đời hiện tại thọ quả ấy, tức là thọ hiện đời. Nếu không thọ thì không bao giờ còn thọ nữa, đối với thời chắc chắn, đối với quả bất định, thuận hiện tại đã vậy, đời sau cũng vậy.

Ở đây chia làm ba thứ:

1. Thuận hiện định: Quả bất định.



2. Thuận sinh định: Quả bất định.

3. Thuận hậu định: Quả bất định.

Trường hợp hai: Có khi nghiệp đối với dị thực chắc chắn, thời thì bất định, nghĩa là nghiệp bất định, định được dị thực, đây chỉ là một, đó là quả chắc chắn thời bất định.

Trường hợp ba: Có khi nghiệp đối với cả hai đều chắc chắn đó là thuận đẳng hiện chắc chắn được dị thực.

Ở đây có ba loại:

1. Thuận hiện thời quả đều chắc chắn.

2. Thuận sinh thời quả đều chắc chắn.

3. Thuận hậu thời quả đều chắc chắn.

Trường hợp bốn: Có khi nghiệp đối với cả hai đều bất định gọi là thời bất định nghiệp, không chắc chắn được dị thực.

Đây chỉ là một đó là quả bất định, thời bất định.

Luận chép; kia nói các nghiệp đều thành tám thứ là thuận hiện thọ, có định bất định cho đến bất định cũng có hai loại.

(Giải thích: Ba định của thuận hiện đẳng là trường hợp thứ ba.

Ba bất định của, thuận hiện là trường hợp một.

Định trong bất định thứ tư là trường hợp hai.

Bất định trong định là trường hợp thứ tư).

## 16. Nói về sự khác nhau:

Dưới đây là thứ hai nói về Sự khác nhau: Luận chép: Ở đây đã nói sự khác nhau của nghiệp, tướng của nó thế nào:

Tụng chép:

*Bốn thiện đều thực hành.*

*Dẫn đồng phần chỉ ba,*

*Các xứ tạo bốn thứ*

*Địa ngục khéo trừ hiện*

*Vững chắc là nhiễm địa,*

*Chúng sinh không tạo sinh*

*Thánh không tạo đời sau*

*Cùng dục Hữu Đảnh thối.*

Giải thích: Bốn thiện: Luận chủ phê bình, nói bốn nghiệp gia đối với lý là thiện, chỉ đối với thời nói định, bất định.

Giải thích tướng của bốn nghiệp mà kinh nói.

Đều thực hành: Nay bốn nghiệp này tạo tác một lúc, là đối với một lúc tự hành dâm dục, sai người sát sinh, hoặc trộm cắp, nói đối thì đều thành nghiệp đạo.

Hoặc một chiều cảm hiện tại, một chiều cảm đời nay, hoặc một chiều cảm đời sau hoặc một bất định.

Cùng lúc gây ra bốn nghiệp chưa hẳn đều như vậy, cho nên nói cho phép.

Hỏi: có bao nhiêu nghiệp có thể dẫn dắt chúng đồng phần?

Đáp: tụng chép: dẫn Chúng đồng phần chỉ ba. Trong bốn nghiệp trừ thuận hiện thọ. Thân đồng phần hiện tại, được nghiệp trước dẫn.

Hỏi: cõi nào, đường nào, có thể gây ra mấy nghiệp?

Đáp: tụng chép: các xứ tạo bốn thứ: Câu dưới cùng trả lời vấn đề này. Nói chung các cõi các đường, hoặc thiện hoặc ác tùy theo sự thích ứng mà tạo bốn loại.

Địa ngục khéo trừ hiện: Dưới đây y theo nói theo riêng. Trong địa ngục, bốn thứ nghiệp thiện trừ thuận hiện thọ. Vì không có quả. Ác sẽ tạo bốn loại, vững chắc lia nhiễm địa, chúng sinh không tạo sinh, Thánh không tạo đời sau tánh không lui sụt gọi là vững chắc. Tánh này có cả chúng sinh và bậc Thánh. Kia xa lia nhiễm địa, hoặc chúng sinh bất thối, không tạo sinh nghiệp. Vì tánh bất thối lia địa nhiễm này không còn sinh vào đời thứ hai. Cho nên không sinh nghiệp chỉ tạo ba thứ khác. Bậc Thánh bất thối lia địa nhiễm, không tạo đời sau, vì tánh bất thối chắc chắn không sinh các cõi thấp cho nên không có đời sau, tạo ra hai thứ khác.

Và dục Hữu Đảnh thối: Bậc Thánh lia Dục và bậc Thánh Hữu Đảnh, tuy có lui sụt mà không tạo hai nghiệp đời sau ở Hữu Đảnh cõi Dục. Đồng với bậc Thánh bất thối ở trước nên bài tụng nói “và” là nói xa lia dục, Hữu Đảnh.

Thối: là thối quả, những người thối quả không hẳn qua đời trở lại tu đất quả được. Đối với Địa ly nhiễm không bao giờ sinh lại. Cho nên không có nghiệp đời sau.

### **17. Nói về trung hữu tạo nghiệp:**

Dưới đây là thứ ba, nói về trung hữu gây ra nghiệp:

Luận chép: Ở giai đoạn trung hữu cũng gây ra nghiệp ư? Nói có là sao.

Tụng chép:

*Trung hữu ở cõi Dục*

*Tạo hai mươi hai nghiệp*

*Đều thuộc thuận hiện thọ*

*Một loại với đồng phần.*

Giải thích: Trong cõi Dục ở giai đoạn trung hữu cũng có thể tạo

hai mươi hai nghiệp; đó là ở giai đoạn trung hữu có năm giai đoạn trong thai, năm giai đoạn ngoài thai trung hữu có thể gây ra nghiệp định, Bất định của mười một giai đoạn này gọi là hai mươi hai, đều thuộc thuận hiện thọ một thứ với đồng phần

Trung hữu có thể tạo mười một loại định nghiệp đều thuộc về thuận hiện thọ vì thân trung hữu và mười giai dứt dứt hữu. Một loại đồng phần, không có khác nhau một đồng phần này đồng một nghiệp dẫn cho nên loại thì không khác. Vì loại không khác nên định nghiệp này đều thuộc về thuận hiện.

Lại thân trung hữu này do cùng với sinh hữu đồng nghiệp dẫn. Cho nên không nói có thuận thọ nghiệp của trung hữu. Đây là thuận sanh thuận hậu kia. Vì thuận theo nghiệp bất định dẫn sinh.

### **18. Nói về tướng định nghiệp:**

Dưới đây là thứ tư nói về tướng của định nghiệp:

Luận chép: Các định thọ nghiệp, tướng ấy thế nào?

Tụng chép:

*Do trọng hoặc tịnh tâm  
Và thường luôn tạo tác  
Nơi ruộng công đức khởi  
Nghiệp hại cha mẹ định.*

Giải thích: Tướng của các định nghiệp lược do bốn nhân:

1. Do hoặc nặng và tịnh tâm nặng: Đó là phiền não sâu nặng, hoặc nặng về tâm thiện mà gây ra nghiệp.

2. Và thường luôn tạo tác: tuy không cố tâm tạo nhưng thường hay tạo

3. Đối với ruộng công đức khởi: Là Phật pháp tăng, hoặc người đắc quả thù thắng, nghĩa là bậc Dự lưu Vô học, hoặc người đắc định thù thắng nghĩa là định từ, định diệt, đối với ruộng này tuy không có mê hoặc nặng, tịnh tâm thì cũng chẳng phải thường hành, vì ruộng tốt đẹp, chắc chắn là thọ nghiệp.

4. Đối với cha mẹ tùy theo tâm nặng nhẹ làm việc tổn hại, nghiệp quả chắc chắn. Bốn nhân này đều thuộc về định nghiệp.

### **19. Nói về nghiệp quả của pháp hiện tại:**

Dưới đây là thứ năm nói về nghiệp quả của pháp hiện tại:

Tụng chép:

*Do ý ruộng tốt đẹp  
Và định với dị thực  
Được nghiệp viễn ly địa*

*Định với quả hiện tại.*

Giải thích: Do ý ruộng tốt đẹp:

- Do ruộng tốt đẹp.

- Do ý tốt đẹp.

Do ruộng tốt đẹp: Là nghe có Tỳ-kheo ở trong chúng Tăng nói giọng người nữ liền biến thành người nữ.

Do ý thù thắng: Vì nghe có việc huỳnh môn cứu thoát ngư hầu huỳnh môn nên chuyển thành trượng phu, những điều này chẳng phải một.

Được viễn ly địa nghiệp, định với quả hiện tại:

Nói về quả báo định, thời bất định nghiệp. Là bậc A-la-hán không trở lại nơi nào nữa, lìa đất nhiễm này, gọi là viễn ly đất nhiễm. Sự xa lìa đất nhiễm này bậc Thánh khi chưa lìa nhiễm ở trong đất này gây ra nghiệp thiện ác, và lìa nhiễm tu nghiệp thiện. Những nghiệp này đối với dị thực định mà thời bất định.

Nghiệp chắc chắn chiêu cảm quả hiện tại: là ở đất này không thọ sinh nữa. Cho nên chiêu cảm quả hiện tại. Nếu ở đất này có định nghiệp đời sau người kia chắc chắn không xa lìa được nhiễm, chắc chắn đời sau thọ quả dị thực. Nếu đối với dị thực và thời đều là bất động. Vì xa lìa nhiễm cấu nên không còn thọ dị thực nữa.

**20. Nói về nghiệp tức là thọ:**

Dưới đây là thứ sáu nói về nghiệp tức là thọ:

Luận chép: Ruộng nào khởi nghiệp, định tức là thọ ư?

Tụng chép:

*Phật là tăng thượng thủ*

*Và diệt định vô tránh*

*Từ, kiến tu đạo xuất*

*Tổn ích nghiệp tức thọ.*

Giải thích: Phật là tăng thượng thủ: Phật ở trong tăng là bậc thượng thủ, nên gọi là tăng thượng thủ. Phật tuy không phải là tăng Thánh văn nhưng thuộc về Thánh tăng, và diệt định vô tránh: Dưới đây có năm:

1. Xuất diệt định: là trong định này tâm được vắng lặng, vì vô tâm rất giống Niết-bàn, trước hết xuất định này sự thù thắng đều nương vào thân.

2. Xuất định vô tránh: Là trong định này dứt các phiền não khác. Đó là duyên với vô lượng hữu tình làm cảnh, lúc đầu xuất định này có vô lượng công đức cao siêu, xông ướp vào thân hoạt động nối tiếp, từ kiến tu đạo xuất.

3. Xuất định từ: Là trong định này duyên với vô lượng hữu tình làm

cảnh, vì ý lạc an vui tăng thượng luôn theo nên lúc mới xuất định này có vô lượng công đức cao siêu huân vào thân chuyển biến nối tiếp.

4. Xuất kiến đạo: Là kiến đạo này vì dứt hẳn kiến hoặc nên khi xuất định thân thanh tịnh sanh khởi nối tiếp.

5. Xuất từ tu đạo: Là đối với đạo này dứt hẳn tu hoặc, đặc quả A-la-hán. Nên khi xuất đạo này thân thanh tịnh sanh khởi nối tiếp. Năm thứ trên đây chọn lấy sự xuất định gọi là ruộng công đức. Nếu thực hành tổn hại, lợi ích thì nghiệp ấy liền thọ.

## 21. Nói về hai thọ:

Dưới đây là thứ năm nói về hai thọ:

1. Nói về hai thọ.

2. Nói về tâm cuồng v.v...

- Nói về hai thọ:

Luận chép: Chỉ có chiêu cảm tâm thọ dị thực, hoặc chiêu cảm thân thọ, chẳng phải tâm thọ ư? Cũng có là thế nào?

Tụng chép:

*Các nghiệp thiện vô tâm Chỉ chiêu cảm  
tâm thọ Ác chỉ cảm thân thọ  
Chiêu cảm thọ nghiệp khác.*

Giải thích: Các nghiệp thiện vô tâm: từ Trung định trở lên cho đến thiện của Hữu Đảnh, đây gọi là nghiệp vô tâm, chỉ chiêu cảm tâm thọ. Tâm thọ chắc chắn sinh chung với tâm tứ nên nghiệp vô tâm không chiêu cảm thân thọ.

Ác chỉ chiêu cảm thân thọ: ác chỉ chiêu cảm khổ, khổ ở năm thức cho nên chiêu cảm thân thọ, tâm đều khổ thọ. Quyết định gọi là ưu, ưu chẳng phải dị thực. Cho nên điều ác không chiêu cảm tâm thọ dị thực.

## 22. Nói về tam cuồng:

Dưới đây là thứ hai nói về tâm cuồng v.v... Luận chép: Tâm Hữu tình cuồng loạn, thức nào là nhân.

Tụng chép:

*Tâm cuồng chỉ ý thức Do nghiệp dị thực  
sinh Và sợ hại trái ưu  
Trừ Bắc châu cõi Dục.*

Giải thích: Tâm cuồng chỉ ý thức: Vì năm thức thân không phân biệt thì chắc chắn không có tâm cuồng loạn. Cho nên tâm cuồng loạn chỉ ở ý thức.

Do nghiệp dị thực sinh: Dưới đây nói về cuồng gồm có năm nhân:

- Do nghiệp dị thực: nghĩa là người kia chú thuật vào các thứ thuốc, làm cho tâm người cuồng loạn. Hoặc bảo người uống thuốc độc, rượu độc hoặc hiện oai nghiêm, dọa nhát cầm thú v.v... hoặc đốt lửa thiêu cháy núi rừng, hoặc đào hầm hố làm tổn hại chúng sinh, hoặc những việc khác làm cho người thất niệm vì thế mà tương lai chiêu cảm dị thực riêng, sẽ làm cho tâm cuồng loạn.

Và sợ hại trái ưu:

- Do sợ hãi phi nhân sợ hãi đến nỗi tâm cuồng loạn.

- Do hại: làm náo hại phi nhân, vì phi nhân tức giận làm hại đến thân thể, làm cho tâm cuồng.

- Do trái: là đại chủng chống trái, có thể làm cho tâm cuồng loạn.

- Do ưu: thương yêu khi người thân mất, sầu ưu mà phát cuồng như Bà-tư-tra.

Trừ Bắc châu ở cõi Dục: Là nói về xứ. Năm đường trong cõi Dục đều có tâm cuồng loạn. ngoài bậc Thánh do đại chủng chống trái nên tâm phát cuồng loạn, không dị thực sinh do đắc bậc Thánh, cũng không có kinh sợ, vì vượt năm sợ hãi: 1. Sợ rằng không được. 2. Sợ tiếng xấu.

3. Sợ đại chúng. 4. Sợ chết. 5. Không sợ đường ác. Vì không làm tổn hại nên phi nhân cung kính, cũng không có sầu ưu, vì chứng pháp tánh.

### **23. Nói về uest trước công vay:**

Dưới đây là thứ sáu nói về uest trước công vay:

Luận chép: Lại trong kinh nói nghiệp có ba thứ đó là uest trước công vay, tướng của nó thế nào?

Tụng chép:

*Nói nghiệp uest trước công Nương nịnh sân  
tham khởi.*

Giải thích: Nói là kinh nói. Nương nịnh hót mà sinh ba nghiệp gọi là công vay. Nương vào sân mà khởi ba nghiệp gọi là uest, nương vào tham mà khởi ba nghiệp gọi là trước.

